Ngày soạn:…/…/…

Ngày dạy:…/…/…

BÀI 4: THỰC HÀNH: TÌM HIỂU VẤN ĐỀ VIỆC LÀM Ở ĐỊA PHƯƠNG VÀ PHÂN HÓA THU NHẬP THEO VÙNG

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Phân tích được vấn đề việc làm ở địa phương.
- Nhận xét được sự phân hóa thu nhập theo từng vùng từ bảng số liệu cho trước.

2. Năng lực

Năng lực chung:

- *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* tư duy logic, sáng tạo thông qua việc tìm hiểu thực tế tại địa phương và trình bày bài tìm hiểu của mình.

Năng lực riêng:

- *Tìm hiểu địa lí:* Tìm kiếm và phân tích số liệu để thấy sự phân hóa thu nhập theo vùng ở nước ta.
- *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:* Tìm kiếm các thông tin từ nguồn tin cậy để thực hiện chủ đề học tập khám phá từ thực tiễn.

Năng lực số:

- 1.1.TC2c: Mô tả được cách truy cập những dữ liệu, thông tin và nội dung này cũng như điều hướng giữa chúng.
- 2.1.TC2a: Lựa chọn được nhiều công nghệ số để tương tác.
- 3.3.TC2a: Chỉ ra được cách áp dụng các giấy phép bản quyền khác nhau đối với thông tin, nội dung số.

- 5.2.TC2b: Lựa chọn được các công cụ số và các giải pháp công nghệ có thể có để giải quyết những nhu cầu đó.
- 6.1.TC2b: Thực hiện được các thao tác cơ bản trên các công cụ AI.

3. Phẩm chất

- *Chăm chỉ:* đọc, sưu tầm thông tin, hình ảnh, tư liệu để tìm hiểu vấn đề việc làm ở địa phương và phân hóa thu nhập theo vùng.
- *Yêu nước*: Thông qua nội dung tìm hiểu về vấn đề việc làm và sự phân hóa thu nhập, từ đó có nhận thức đúng đắn và có hành động thiết thực giúp đỡ người có mức thu nhập thấp**.**
- *Trách nhiệm:* Có trách nhiệm trong việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Đối với giáo viên

- KHBD, SGK, SGV, SBT *Lịch sử và Địa lí 9 – Kết nối tri thức* (phần Địa lí).
- Lược đồ, hình ảnh, bảng số liệu, tư liệu sưu tầm về bài học *Thực hành: Tìm hiểu về vấn đề việc làm ở địa phương và phân hóa thu nhập theo vùng.*
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).
- Video AI được tạo bằng các công cụ AI để khởi động bài học.
- Máy tính kết nối Internet, màn hình tương tác thông minh/máy chiếu, bài giảng điện tử (PowerPoint/Canva), nền tảng trắc nghiệm (Quizizz/ Kahoot), công cụ trí tuệ nhân tạo Chat GPT/Gemini/ Copilot, ứng dụng chia sẻ dữ liệu (Padlet/Google Drive), Phần mềm đánh giá (Azota/Google Forms).

2. Đối với học sinh

- SGK, SBT *Lịch sử và Địa lí 9 – Kết nối tri thức* (phần Địa lí).
- Đọc trước nội dung bài học và sưu tầm tranh ảnh, tư liệu về bài học *Thực hành: Tìm hiểu về vấn đề việc làm ở địa phương và phân hóa thu nhập theo vùng.*
- Thiết bị số: Máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh (nếu điều kiện cho phép) có kết nối Internet.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho HS, giúp đỡ HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú với bài học mới.

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi "Vua Tiếng Việt"

c. Sản phẩm: HS lần lượt đưa ra đáp án về những từ khóa mà GV đã chuẩn bị.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS xem video AI được thiết kế để phục vụ bài dạy và trả lời câu hỏi xuất hiện trong video đó.

- GV tổ chức cho HS trò chơi "Vua Tiếng Việt" thông qua ứng dụng Mentimeter để HS nhập đáp án trực tiếp bằng thiết bị số.

- GV phổ biến luật chơi cho HS: HS lần lượt suy nghĩ, sắp xếp lại thứ tự chữ cái để tìm ra từ có nghĩa.

- GV lần lượt đưa ra các dãy từ:

- *o/g/l/a/ộ/đ/n*
- *h/p/n/ậ/u/t/h*
- *n/t/ấ/ệ/g/t/i/h/h/p*
- *ó/n/h/a/p/â/h*
- *à/ồ/d/d/i/o*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nhận nhiệm vụ, sử dụng thiết bị số suy nghĩ, sắp xếp lại thứ tự chữ cái và bấm gửi đáp án.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS nêu đáp án cho mỗi câu hỏi.

- *Lao động.*
- *Thu nhập.*

- *Thất nghiệp.*
- *Phân hóa.*
- *Dồi dào.*

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận: *Vấn đề việc làm vẫn là một trong những vấn đề lớn được quan tâm hiện nay. Tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm ở nước ta vẫn còn cao. Thu nhập cũng có sự phân hóa theo từng vùng.*

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Lao động, việc làm và chất lượng cuộc sống là vấn đề địa lí kinh tế - xã hội quan trọng, liên quan mật thiết đến đời sống mỗi cá nhân. Vậy, vấn đề việc làm ở địa phương hiện nay, sự phân hóa thu nhập theo vùng diễn ra như thế nào. Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay* – ***Bài 3: Thực hành: Tìm hiểu về vấn đề việc làm ở địa phương và phân hóa thu nhập theo vùng.***

[1.2.TC2b: HS thực hiện phân tích, diễn giải dữ liệu hình ảnh và âm thanh từ nội dung số (video AI) để trả lời câu hỏi.

2.1.TC2a: Lựa chọn công nghệ số để tương tác (HS sử dụng smartphone/laptop truy cập Mentimeter, nhập mã code để trả lời câu hỏi trực tiếp trên nền tảng số).]

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Báo cáo vấn đề việc làm tại địa phương

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS tìm hiểu và viết báo cáo phân tích vấn đề việc làm ở địa phương.

b. Nội dung: GV chia các nhóm HS sưu tầm tư liệu và hoàn thành báo cáo phân tích vấn đề việc làm ở địa phương.

c. Sản phẩm: Báo cáo sản phẩm của HS về phân tích vấn đề việc làm ở địa phương.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV dẫn dắt: *Ngày nay nhiều địa phương đã thực hiện các giải pháp như đẩy mạnh kết nối cung – cầu lao động, quan tâm đào tạo nghề ở địa phương nhằm "giữ chân" nguồn lao động để đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương.* - GV trình chiếu cho HS quan sát hình ảnh về một số hình ảnh việc làm ở địa phương:   *Lao động địa phương được quan tâm đào tạo* - GV chia lớp thành nhóm nhỏ HS (3 – 6 HS/nhóm) và giao nhiệm vụ: *Sưu tầm tư liệu và hoàn thành báo cáo phân tích vấn đề việc làm ở địa phương.* - HS được yêu cu tìm kiếm tư liệu từ Internet, sử dụng công cụ AI (Copilot/ChatGPT) để hỗ trợ phân tích nguyên nhân, dùng Canva thiết	**1. Báo cáo vấn đề việc làm tại địa phương** *Báo cáo sản phẩm* được đính kèm ở phía dưới *Hoạt động 1.*	6.1.TC2b: Thực hiện các thao tác cơ bản trên công cụ AI (HS sử dụng AI bằng các prompt cơ bản để tìm kiếm gợi ý, hệ thống hoá nguyên

kế báo cáo và phải ghi rõ nguồn gốc (bản quyền) số liệu/hình ảnh. - GV hướng dẫn HS: *Có thể lựa chọn cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương hoặc cấp huyện/ quận/ thị xã/ thành phố trực thuộc cấp tỉnh.* - GV cung cấp bản mẫu báo cáo sản phẩm: **BÁO CÁO SẢN PHẨM:** **THỰC HÀNH TÌM HIỂU VẤN ĐỀ VIỆC LÀM Ở ĐỊA PHƯƠNG** *Nhóm:* Học sinh làm việc theo nhóm, quan sát thực tế, phỏng vấn người dân, tìm kiếm số liệu, chụp ảnh… về vấn đề lao động, việc làm ở địa phương **1. Khái quát về đặc điểm lao động** …… …… …… …… **2. Vấn đề việc làm** *a) Tỉ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động* …… ……		nhân thất nghiệp ở địa phương).

…… …… *b) Tỉ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động* …… …… …… …… …… …… **3. Đề xuất giải pháp giải quyết tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm** …… …… …… …… **4. Ý nghĩa của việc đẩy mạnh giải quyết vấn đề việc làm** …… …… …… …… …… ……		5.2.TC2b: Lựa chọn công cụ số và giải pháp công nghệ (Nhóm thống nhất dùng Canva/PowerPoint để số hoá báo cáo, chèn biểu đồ trực quan). 1.2.TC2b: Phân tích, diễn giải, đánh giá dữ liệu, thông tin số (HS

- GV cung cấp cho nhóm HS các nguồn tư liệu liên quan đến lao động và việc làm ở Việt Nam (*Đính kèm phía dưới Hoạt động 1).* - GV cung cấp cho nhóm HS các nguồn tư liệu liên quan đến lao động và việc làm ở Việt Nam thông qua mã QR hoặc link Padlet. - GV mở rộng kiến thức, yêu cầu các nhóm tiếp tục thảo luận và cho biết: *Tại sao tỉ lệ thiếu việc làm ở nông thôn luôn cao hơn thành thị?* **Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập** - Nhóm HS truy cập Internet, khai thác thông tin từ báo chí, trang web Tổng cục Thống kê, hỏi AI để lấy định hướng. - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). **Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm lần lượt trình bày báo cáo về sản phẩm tìm hiểu vấn đề việc làm ở địa phương theo *Báo cáo sản phẩm.* - GV yêu cầu các nhóm đánh giá lẫn nhau theo *Phiếu tự đánh giá (Đính kèm phía dưới Hoạt động 1)* - Yêu cầu HS chỉ rõ phần nào dùng AI, phần nào tra cứu và cách nhóm ghi nguồn.		đối chiếu số liệu từ AI với các trang báo chính thống/Cổng thông tin địa phương để xác thực độ tin cậy). 3.3.TC2a: Thảo luận quy tắc bản quyền và giấy phép (HS có dòng chú thích Nguồn: Cổng TTĐT TP Hải Phòng/Tổng cục Thống kê bên dưới các ảnh và số liệu báo cáo, tôn trọng bản quyền số).

- GV mời đại diện 1 – 2 nhóm khác trả lời câu hỏi mở rộng *(Đính kèm phía dưới Hoạt động 1).* **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá, hoàn chỉnh *Báo cáo sản phẩm.* - GV kết luận: ***Ở Việt Nam ngày nay, nguồn lao động dồi dào đang là điều kiện để xây dựng đất nước. Tuy nhiên bên cạnh đó các tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm vẫn còn xảy ra bởi nhiều nguyên nhân khác nhau.***		

TƯ LIỆU 1

Việt Nam có nguồn lao động dồi dào với hơn 50,6 triệu người, chiếm 51,3% tổng số dân (năm 2021). Cơ cấu lao động đang chuyển dịch theo hướng tích cực. Tỉ trọng lao động ở thành thị ngày càng tăng, tuy nhiên phần lớn lao động vẫn tập trung ở nông thôn (chiếm 63,3% tổng số lao động năm 2021). Chất lượng lao động ngày càng được nâng cao nhưng tỉ lệ lao động đã qua đào tạo vẫn còn thấp. Đến năm 2021, chỉ có 26,2% lao động đã qua đào tạo có bằng cấp.

TƯ LIỆU 2

Năm 2010, tính chung trên cả nước, tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm lần lượt là 2,9% và 3,6% năm 2020 tỉ lệ tương ứng là 2,5% và 2,5%, trong đó, tình trạng thất nghiệp diễn ra chủ yếu ở khu vực nông thôn (2,9%). Năm 2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh, tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm ở khu vực đô thị cao hơn so với khu vực nông thôn.

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ

Nhóm:…

Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đạt được

Xác định được chính xác vấn đề việc làm tại địa phương	2		
Nêu được thực trạng, có số liệu chứng minh	5		
Đề xuất biện pháp hợp lí, có lí giải tại sao	2		
Nêu được ý nghĩa của việc giải quyết việc làm	1		
Đánh giá chung	10		

Hoạt động 2. Thực hành nhận xét bảng số liệu.

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS sử dụng số liệu để nhận xét sự phân hóa thu nhập theo vùng ở nước ta.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS khai thác Bảng 4 SGK tr.127 và trả lời câu hỏi: *Nhận xét sự phân hóa thu nhập theo vùng ở nước ta.*

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về sự phân hóa thu nhập theo vùng ở nước ta và chuẩn kiến thức GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV giao nhiệm vụ cho HS: Khai thác Bảng 4 SGK tr.122 và trả lời câu hỏi: *Nhận xét sự phân hóa thu nhập theo vùng.* **Bảng 4. Thu nhập bình quân đầu người một tháng (giá hiện hành) phân theo vùng ở nước ta năm 2010 và năm 2024** **Năm / Các vùng** | **2010** | **2024**	**2. Thực hành nhận xét bảng số liệu** - Thu nhập bình quân đầu người 1 tháng ở nước ta còn thấp. - Thu nhập bình quân đầu người 1 tháng ở nước ta có sự chênh lệch.	

Trung du và miền núi Bắc Bộ	905	3 749
Đồng bằng sông Hồng	1 561	6 480
Bắc Trung Bộ	903	4 630
Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	1 127	4 360
Đông Nam Bộ	2 212	6 868
Đồng bằng sông Cửu Long	1 243	4 770

- GV cung cấp cho nhóm HS các nguồn tư liệu liên quan đến sự phân hóa thu nhập theo vùng (*Đính kèm phía dưới Hoạt động 2).*

- GV cung cấp tài liệu điện tử (Tư liệu 3) và khuyến khích HS sử dụng Excel/Google Sheets trên laptop/máy tính bảng để nhập liệu nhanh và tạo biểu đồ cột quan sát trực quan sự chênh lệch.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- Nhóm HS khai thác Bảng 4, tư liệu do GV cung cấp và nhận xét sự phân hóa thu nhập theo vùng.

- HS làm việc cá nhân/nhóm đôi, nhập liệu, vẽ biểu đồ và ghi ra giấy/Docs các nhận xét.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- Thu nhập bình quân đầu người 1 tháng ở nước ta đang thay đổi: Mức trung bình tăng lên, mức độ chênh lệch giảm xuống.

5.2.TC2b: Lựa chọn công cụ số (HS dùng Excel/ Google Sheets nhập số liệu Bảng 4 để vẽ biểu đồ trực quan, giúp dễ dàng nhận xét sự chênh lệch).

1.2.TC2b: Phân tích, diễn giải dữ liệu (Từ

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV mời đại diện 1 – 2 HS lần lượt nhận xét sự phân hóa thu nhập theo vùng. - GV mời đại diện 1 – 2 HS nhận xét, bổ sung, nếu có. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS. - GV kết luận: ***Nhìn chung, thu nhập bình quân đầu người một tháng phân theo vùng ở nước ta đã có sự chênh lệch khác nhau giữa các vùng***		biểu đồ số đã vẽ, HS phân tích để thấy rõ sự khác biệt giữa Đông Nam Bộ với Trung du miền núi phía Bắc).
TƯ LIỆU 3 Thu nhập của nam giới cao hơn nữ giới ở các nhóm chuyên môn kỹ thuật và có sự chênh lệch thu nhập theo giới tính khoảng 13,3%. Xét theo các ngành kinh tế, thu nhập bình quân/ tháng thay đổi từ mức thấp nhất của ngành "Nông, lâm, thủy sản" (khoảng 4,7 triệu đồng) đến mức cao nhất là của ngành "Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế", khoảng 12,5 triệu đồng.		

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS củng cố kiến thức đã học về *Thực hành: Tìm hiểu vấn đề việc làm ở địa phương và phân hóa thu nhập theo vùng*

b. Nội dung:

- GV cho HS làm Phiếu bài tập trắc nghiệm về *Thực hành: Tìm hiểu vấn đề việc làm ở địa phương và phân hóa thu nhập theo vùng.*

c. Sản phẩm: Đáp án của HS và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1. Trả lời câu hỏi trắc nghiệm

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức cho HS làm *Phiếu bài tập*, trả lời nhanh một số câu hỏi trắc nghiệm tổng kết bài học *Thực hành: Tìm hiểu vấn đề việc làm ở địa phương và phân hóa thu nhập theo vùng*

- GV tổ chức game trắc nghiệm trên Quizizz/Kahoot.

- GV cung cấp mã phòng thi.

- Yêu cầu HS sử dụng thiết bị di động (điện thoại thông minh/máy tính bảng) cá nhân hoặc theo cặp để truy cập, nhập đúng họ tên và mã phòng học để sẵn sàng làm bài.

Trường THCS:…….

Lớp:……..

Họ và tên:…….

PHIẾU BÀI TẬP ĐỊA LÍ 9

BÀI 4: THỰC HÀNH: TÌM HIỂU VẤN ĐỀ VIỆC LÀM Ở ĐỊA PHƯƠNG VÀ PHÂN HÓA THU NHẬP THEO VÙNG

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Đặc điểm nào sau đây đúng với nguồn lao động nước ta?

A. Dồi dào, tăng nhanh.

B. Tăng chậm.

C. Hầu như không tăng.

D. Dồi dào, tăng chậm.

Câu 2: Tính đến năm 2021, thu nhập bình quân đầu người một tháng ở vùng Đồng bằng sông Hồng là bao nhiêu?

A. 12 838 nghìn đồng.

B. 5 026 nghìn đồng.

C. 3 493 nghìn đồng.

D. 2 856 nghìn đồng.

Câu 3: Tỉ lệ thất nghiệp ở nước ta năm 2021 là bao nhiêu?

A. 3,1%

B. 3,2%

C. 3,3% D. 3,4%

Câu 4: Phân theo trình độ, nguồn lao động nước ta chủ yếu là:

A. Đã qua đào tạo.

B. Lao động trình độ cao.

C. Chưa qua đào tạo.

D. Lao động đơn giản.

Câu 5: Tính đến năm 2021, nước ta có khoảng bao nhiêu lao động?

A. 49 triệu người. B. 50,6 triệu người.

C. 17,7 triệu người. D. 31,3 triệu người.

Câu 6: Đâu **không** phải thế mạnh của lao động Việt Nam?

A. Có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông lâm ngư nghiệp.

B. Có khả năng tiếp thu khoa học kĩ thuật.

C. Chất lượng nguồn lao động đang được cải thiện.

D. Lười biếng, chưa kịp bắt xu thế hiện đại hóa.

Câu 7: Nguồn lao động nước ta còn có hạn chế về:

A. Thể lực, trình độ chuyên môn và tác phong lao động.

B. Nguồn lao động bổ sung hàng năm lớn.

C. Kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp.

D. Khả năng tiếp thu khoa học – kỹ thuật.

Câu 8: Chiến lược phát triển dân số hợp lí và sử dụng hiệu quả nguồn lao động nước ta **không** có nội dung nào sau đây?

A. Xây dựng chính sách chuyển cư phù hợp.

B. Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ở nông thôn.

C. Kiềm chế tốc độ tăng dân số.

D. Tăng cường xuất khẩu lao động.

Câu 9: Khu vực nào sau đây ở nước ta có tỉ lệ lao động thất nghiệp cao nhất?

A. Đồi trung du.

B. Cao nguyên.

C. Thành thị.

D. Nông thôn.

Câu 10: Nguồn lao động bao gồm những đối tượng nào?

A. Dưới tuổi lao động (đã có khả năng lao động).

B. Trong tuổi lao động (có khả năng lao động).

C. Quá tuổi lao động (vẫn còn khả năng lao động).

D. Những lực lượng có sức lao động, không kể độ tuổi.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS sử dụng thiết bị di động truy cập, hoàn thành bài tập trong thời gian 10 phút.

- HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành *Phiếu bài tập.*

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS lần lượt đọc đáp án đúng.

- Hệ thống tự động chấm điểm và xếp hạng.

- GV chiếu bảng xếp hạng và chữa nhanh câu sai nhiều nhất.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, đọc đáp án khác (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	**D**	**A**	**B**	**C**	**B**
Câu hỏi	6	7	8	9	10
Đáp án	**A**	**B**	**B**	**D**	**D**

- GV chuyển sang nội dung mới.

[2.1.TC2a: Lựa chọn được nhiều công nghệ số để tương tác (làm bài kiểm tra trực tuyến)]

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:

- Củng cố kiến thức đã học về *Thực hành: Tìm hiểu vấn đề việc làm ở địa phương và phân hóa thu nhập theo vùng*

- Liên hệ, vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập phần Vận dụng

c. Sản phẩm: Câu trả lời bài tập phần Vận dụng.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ: *Hãy tìm hiểu mức thu nhập bình quân đầu người 1 tháng của gia đình mình. So sánh với mức thu nhập trung bình của cả nước và của vùng nơi em sinh sống.*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

HS vận dụng kiến thức đã học, thực tế tại địa phương để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

HS báo cáo sản phẩm vào tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV nhận xét, đánh giá, kết thúc tiết học.

5. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Làm bài tập Bài 3 – SBT *Lịch sử và Địa lí 9 – Kết nối tri thức, phần Địa lí.*

- Đọc và tìm hiểu trước nội dung *Bài 5: Nông nghiệp*